

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 676/2022/HS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;
Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 305/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Đoàn Hồng T cùng các bị cáo khác phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Đoàn Hồng T, sinh năm: 1985, tên gọi khác: Không; HKTT: Số 85, phố 2, phường Thanh T, TP. Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi phạm tội: Phòng 202, nhà số 6, hẻm 10, ngõ 213, Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đống Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đoàn Ngọc T1 và bà: Đào Thị T2; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; Số giam: 5213V1/17. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lại Đức H, sinh năm: 1975; ĐKKHKT: TDP số 10, thị trấn Mường A, huyện Mường A, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông:

Lại Đăng Đ, (đã chết) và bà: Trần Thị T3; Có vợ là Ninh Thị N, sinh năm: 1987; Có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: có 01 tiền án, cụ thể:

- Bản án số 17/2017/HSST ngày 27/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Mường A, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 28 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ra trại ngày 16/01/2019 (đã xóa án tích).

Nhân thân:

- Bản án số 23/2005/HSST ngày 29/12/2005, Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 19/8/2007.

- Bản án số 12/2008/HSST ngày 04/12/2008, Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, ra trại ngày 05/12/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, số giam: 4920V1/5. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Hoàng L, sinh năm: 1984; HKTT: Ô 11+12, Lô E, khu 2,1 ha, phường Công V, quận Ba Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Quang V và bà: Hoàng Thị C; Bị cáo là con duy nhất; Vợ: Nguyễn Thùy L1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, số giam: 4515V1/19. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo không kháng cáo:**

Hà Thị D, sinh năm 1990; ĐKHTT: Tổ 7 phường Cầu T, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở: Phòng 202, nhà số 6, hẻm 10, ngõ 213, Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đống Đ, Hà Nội; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Hồng T*: Luật sư Trần Khắc T4 – Văn phòng luật sư A Việt Nam – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lại Đức H*: Luật sư Nguyễn Quang T5 – Công ty luật Đặng S và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng L*: Luật sư Phạm Quang X và ông Trần Ngọc T6 – Công ty luật TNHH – X – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Quảng Văn L3 không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 9 giờ ngày 09/9/2020, Công an quận Nam Từ L, Hà Nội tiếp nhận tin báo của anh Đoàn Hồng V1 (sinh năm: 1979; HKTT: phường Thanh T, TP Điện Biên P, tỉnh Điện Biên) về việc: Khoảng 18h00' ngày 08/9/2020, anh V1 điều khiển xe ô tô (BKS: 27B-000.73) chạy tuyến Điện Biên - Hà Nội thì có một phụ nữ khoảng 50 tuổi không rõ nhân thân vấp xe dọc đường và gửi 01 bao tải gạo màu trắng về Hà Nội, trên bao gạo có ghi tên "T" kèm theo số điện thoại 0325824587. Khi về đến bến xe Mỹ Đ, anh V1 gọi cho người có số điện thoại ghi trên bao gạo để trả hàng thì người có số điện thoại bảo gọi xe ôm chuyển bao gạo đến địa chỉ: Ngõ 213, phố Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đống Đ, Hà Nội. Anh V1 gọi một nam thanh niên (chưa rõ nhân thân) làm nghề xe ôm ở khu vực bến xe Mỹ Đ và bảo mang bao gạo đến địa chỉ trên để giao hàng và thu cước vận chuyển của người nhận. Sau khi giao bao gạo cho người lái xe ôm, anh V1 thấy bao gạo có hình dáng bất thường, nghi ngờ trong bao gạo có hàng cấm nên đã trình báo cơ quan công an.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an quận Nam Từ L, Hà Nội đã cử tổ công tác đến số nhà 213 phố Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đống Đ, Hà Nội để xác minh. Khi đến địa chỉ trên, tổ công tác phát hiện Lê Hoàng L đang ôm một bao gạo màu trắng có đặc điểm trùng với đặc điểm bao gạo mà anh V1 mô tả, nên đã tiến hành kiểm tra hành chính đối với L. L khai vừa giúp cho Đoàn Hồng T nhận bao gạo bên trong có chứa ma túy từ một người xe ôm không quen biết. Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn Hồng T cũng đi cùng L, nên tổ công tác đã đưa L và T cùng vật chứng về trụ sở để làm rõ. Thu giữ của L: 01 bao tải màu trắng in nhãn hiệu "Nếp nương Điện Biên" bên trong có gạo và 01 hộp giấy màu đỏ đen nhãn hiệu "Coffe G7", bên trong hộp giấy có 30 túi nilon chứa 5.989 viên nén màu hồng và màu xanh trên bề mặt dập chữ "WY"; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, số thuê bao 0325824587; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen, số thuê bao 0967620869. Thu giữ của T: 01 điện thoại Redmi Note 9 Pro màu xanh, số thuê bao 0835025841; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 9 màu đen, số thuê bao 0399527398; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu xám, số thuê bao 0865457307; Đoàn Hồng T khai số ma túy bị thu giữ là của T mua của Lại Đức H và Quảng Văn L3, trú tại thị trấn Mường A, huyện Mường A, tỉnh Điện Biên.

Cơ quan điều tra khám xét và thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của Quảng Văn L3 15 viên nén màu hồng trên bề mặt có chữ "WY" và 02 viên nén màu xanh bề mặt có chữ "WY".

Tại Bản kết luận giám định số 8227 ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận (BL66):

Tang vật thu giữ bên trong 06 túi nilon màu hồng và 24 túi nilon màu xanh gồm:

- 5929 viên nén hình tròn màu hồng trên bề mặt mỗi viên có in chữ WY đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 523,925 gam.

- 60 viên nén hình tròn màu xanh trên bề mặt mỗi viên có in chữ WY đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 5,872 gam.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Đoàn Hồng T tại Phòng 202, số 6, hẻm 10, ngõ 213 Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đống Đ, Hà Nội, thu giữ:

- 01 cân tiểu ly.
- 01 két sắt bên trong có:
 - + 02 túi nylon chứa tổng 27 viên nén hồng in chữ DUREX
 - + 09 túi nylon đều chứa chất bột màu trắng
 - + 03 túi nylon đều chứa tinh thể màu trắng
 - + 01 túi nylon và 01 túi giấy đều chứa tinh thể màu trắng
 - + 02 cân điện tử đã qua sử dụng

Tại thời điểm khám xét chỗ ở của T, có mặt Hà Thị D (bạn gái của T), thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số thuê bao 0835062841.

Tại Bản kết luận giám định số 8228, ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận (BL81):

- 27 viên nén màu hồng hình chữ nhật, trên bề mặt mỗi viên in chữ DUREX đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 14,840 gam.

- Chất bột màu trắng bên trong 09 túi nylon đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 129,601 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 03 túi nylon đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 46,342 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nylon và 01 túi giấy đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 26,281 gam.

- 02 cân điện tử đều dính ma túy loại Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số 8416 ngày 25/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận (BL89):

* Số viên nén thu giữ của Quàng Văn L3, gồm:

- 15 viên nén hình tròn màu hồng, trên bề mặt mỗi viên có in chữ “WY” đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,539 gam.

- 02 viên nén hình tròn màu xanh, trên bề mặt mỗi viên có in chữ “WY” đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,207 gam.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Hồng T khai: Khoảng tháng 3/2020, qua mối quan hệ xã hội, Đoàn Hồng T quen biết và sống với Hà Thị D như vợ chồng. Khoảng cuối tháng 8/2020, Đoàn Hồng T lên nhà Lại Đức H tại tỉnh Điện Biên (bạn xã hội) chơi và sử dụng ma túy. T bảo H mua ma túy “ngựa” để T mang về Hà Nội sử dụng và bán kiếm lời. Ngày 07/9/2020, H gọi điện cho T để thông báo là đã tìm mua được ma túy. T bảo H mua cho T 30 “đàn ngựa” (6.000 viên hồng phiến) với giá 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Ngày 07/9/2020, T chuyển vào số tài khoản 8916205016009 của H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank). T bảo H trả 90.000.000 đồng cho người bán ma túy, còn lại 10.000.000 đồng là tiền công của H. Ngày 08/9/2020, H gọi điện thoại cho T bảo đã gửi bao gạo bên trong có ma túy qua xe khách về Bến xe Mỹ Đ. Khoảng 09 giờ ngày 09/9/2020,

người lái xe khách gọi điện vào số máy 0325824587 cho T để đến nhận hàng. T bảo người lái xe khách gửi xe ôm chờ đến đầu ngõ số 213 phố Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đống Đ, Hà Nội cho T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, người lái xe ôm gọi điện thoại cho T ra ngõ 213 phố Xã Đ để nhận hàng. T đi ra ngõ thì thấy có đông người trong quán bánh ngọt ở gần đó, nên T nghi ngờ bị công an theo dõi, nên T quay về nhà báo với Hà Thị D (bạn gái ở cùng T) “ra hàng bánh ngọt ở đầu ngõ 213, phố Xã Đ xem có mấy người như anh mô tả có còn ở đấy nữa không, để anh ra nhận bao gạo, vì T nghi đấy là công an”. Sau đó, D đi ra cửa hàng bánh ngọt nhìn thấy có một số người trong quán đứng như T báo, nên quay về báo cho T biết. Sau đó, T gọi điện thoại cho H báo là bị theo dõi. Sau đó T gọi điện thoại cho Lê Hoàng L đến nhà T, khi L đến nhà thì T đưa cho L điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 (số thuê bao 0325824587) cùng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). T bảo L liên lạc với xe ôm và nhận bao gạo hộ T. T nói cho L biết trong bao gạo có “đồ” tức là ma túy. Lúc đó, D cũng có mặt và biết trong bao tải gạo có ma túy. Khi L đi ra ngõ 213 phố Xã Đ để nhận bao gạo bên trong có ma túy thì T cũng đi cùng, khi L vừa trả tiền xe ôm và nhận bao gạo bên trong có ma túy thì bị công an kiểm tra bắt giữ. Sau đó, tiến hành khám xét nơi ở của T đã thu giữ trong két sắt có ma túy do T mua của người đàn ông tên là H1 (khoảng 40 tuổi, ở phường Định C, quận Hoàng M, Hà Nội) với giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mang về cất giấu trong két sắt để sử dụng và bán kiếm lời. Việc T mua và cất giấu số ma túy trong két sắt thì Hà Thị D không biết. Sau đó, T thay đổi lời khai, T khai số ma túy bị thu giữ trong bao tải gạo và tại chỗ ở của T là mua về để sử dụng chứ không phải để bán.

Lê Hoàng L khai phù hợp với lời khai của Đoàn Hồng T, L khai: Qua mối quan hệ xã hội, L quen biết Đoàn Hồng T và Hà Thị D. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/9/2020, L nhận được tin nhắn qua Zalo từ nick của D là “D- anh T” nội dung hỏi “đang ở đâu, qua đây nhà có việc”. Sau đó L gọi điện lại cho D thì thấy D và T bảo đến nhà có việc. L đến nhà T và T đã đưa cho L chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia có số thuê bao 0325824587 và 300.000 đồng. T bảo L ra đầu ngõ 213 phố Xã Đ, khi nào có ai gọi vào số máy trên thì nhận bao tải gạo bên trong có “đồ” tức là có ma túy và trả tiền phí vận chuyển cho họ. T sẽ cho L ma túy để sử dụng. Lúc T đưa điện thoại và nói với L, D cũng ngồi đó. L đã nhiều lần đến nhà cùng sử dụng ma túy với T và D. Trước đó, L đã mua ma túy của T và D khoảng 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng đến 300.000 đồng về để sử dụng. Khi thì ngồi tại nhà T sử dụng ma túy, L cũng thấy nhiều người đến mua ma túy của T và D nhưng L không biết nguồn gốc ma túy của T do đâu mà có.

Hà Thị D khai phù hợp với lời khai của T, D khai cụ thể như sau: Ngày 07/9/2020, T chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 8916205016009 của Lại Đức H tại tỉnh Điện Biên để mua ma túy. T đã nhiều lần mua ma túy của H để sử dụng. Khoảng 9 giờ ngày 09/9/2020, T bảo D ra đầu ngõ 213 Xã Đ kiểm tra xem có những người trong cửa hàng như T nói không thì về báo cho T. Sau đó D về nhà thấy T gọi điện cho Lê Hoàng L đến nhà. T tháo sim số 0325824587 trong điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9 Pro màu xanh của T, lắp vào điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh và lấy 300.000 đồng đưa cho

L. T bảo L ra đầu ngõ 213 Xã Đ trả tiền xe ôm, nhận bao tải gạo bên trong có ma túy về cho T. D khai D và T đã nhiều lần sử dụng ma túy cùng L và không mua bán ma túy cho L như L khai. Số ma túy thu giữ trong két sắt, D không biết T mua và cất giấu.

Do chỉ có lời khai của L về việc đã 02 lần mua ma túy của T và D, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác do đó không đủ căn cứ buộc T và D đã nhiều lần bán ma túy cho Lê Hoàng L.

Lại Đức H khai phù hợp với lời khai của Đoàn Hồng T, H khai: Sau khi nhận được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) T chuyển vào tài khoản cho H. H mang 90.000.000 đồng đến nhà đưa cho Quảng Văn L3 để mua 30 đàn “ngựa” (6.000 viên hồng phiến). H được T cho tiền công là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 07/9/2020, L3 hẹn H ra cầu Bản H, thị trấn Mường A, huyện Mường A, tỉnh Điện Biên để giao ma túy. L3 đưa cho H 01 hộp giấy màu đỏ đen có in chữ “Cà phê G7” đã dán kín bằng nilon. H mua 01 bao gạo nếp 05 kg bên ngoài có chữ “nếp nương Điện Biên” rồi giấu hộp ma túy vào bên trong. Chiều ngày 08/9/2020, H lấy 01 mảnh giấy bảo chi Ninh Thị N (vợ H) viết chữ "T SĐT 0325824587" dán bên ngoài bao gạo. H không nói cho chị N biết bên trong bao tải gạo có ma túy. Sau đó H mang gửi anh Đoàn Hồng V1, lái xe khách nhà xe Trường T, (BKS 27B - 000.73) chở về bến xe Mỹ Đ cho T.

Chị Ninh Thị N khai phù hợp với lời khai của H về việc không biết trong bao tải gạo có ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quảng Văn L3 khai phù hợp với lời khai của Lại Đức H, L3 khai: Qua mối quan hệ xã hội thì L3 quen biết Lại Đức H khoảng 02 năm. Khoảng đầu tháng 9/2020, H gọi điện thoại bảo L3 đến nhà H gặp Đoàn Hồng T để mua bán ma túy. T bảo L3 mua cho T 30 đàn ngựa (6.000 viên hồng phiến) với giá 90.000.000 đồng. Ngày 07/9/2020, H đưa cho L3 số tiền trên, L3 đã đến khu vực cầu Bản H, thị trấn Mường A, huyện Mường A, tỉnh Điện Biên gặp người đàn ông tên là M1 (khoảng 45 tuổi, không rõ tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại) mua 30 túi hồng phiến (mỗi túi 200 viên) với giá 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) đựng trong 01 hộp giấy in chữ COFFEE G7, quán băng dính. rồi giao cho H. Khoảng 15 giờ ngày 16/9/2020, L3 đi đến khu vực trên để mua 17 viên hồng phiến của người đàn ông tên là M1 với giá 225.000 đồng về sử dụng thì bị kiểm tra bắt giữ.

Như vậy Đoàn Hồng T và Hà Thị D phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán 529,797 gam Methamphetamine thu giữ trong bao tải gạo; 175,943 gam Ketamine và 14,840 gam MDMA thu giữ trong két sắt tại chỗ ở của T và D. Quảng Văn L3, Lại Đức H và Lê Hoàng L phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán 529,797 gam Methamphetamine. Quảng Văn L3 còn phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép 1,746 gam Methamphetamine.

Đối với người đàn ông tên là M1, người mà L3 khai đã bán ma túy cho L3 và người đàn ông tên là H1, người mà T khai đã bán ma túy cho T. Do L3 và T không biết tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại của đối tượng M1 và H1 nên không có

căn cứ để điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu liên quan đến M1 và H1 để điều tra xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Căn cứ: điểm h, khoản 4, Điều 251; khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 39 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Hồng T tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b, khoản 4, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 39 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt: Bị cáo Lại Đức H tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b, khoản 4, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng L 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Hà Thị D, Quàng Văn L3; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/02/2022 các bị cáo Đoàn Hồng T, Lê Hoàng L và Lại Đức H đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đoàn Hồng T đề nghị xem xét lại tội danh cho bị cáo, bị cáo khai rằng bị cáo chỉ mua về để sử dụng mà không có ý định bán lại, nên chỉ phạm tội “Sử dụng hoặc tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Lại Đức H: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án để mở lượng khoan hồng của pháp luật giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị cáo Lê Hoàng L: Trình bày lời khai xin giảm nhẹ hình phạt tù, bị cáo cho rằng chỉ vì nể tình anh em quen biết mà bị cáo đi ra ngõ nhận bao tải gạo cho T. Mặc dù trước khi ra ngõ nhận bao tải gạo cho T thì T có nói trong bao tải gạo có đồ “tức là có ma túy” nhưng bị cáo không hề được bàn bạc trước đó và không được hưởng lợi gì, việc bị cáo nhận lời giúp T xảy ra rất nhanh chỉ trong thời gian rất ngắn, nên bị cáo chưa kịp suy nghĩ kỹ càng khi nhận lời giúp T. Sau khi vụ án bị phát hiện bị cáo đã rất hối hận nên đã rất thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và các bị cáo khác.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Hành vi phạm tội của các bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo Đoàn Hồng T và Lại Đức H thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng với các bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm thì các bị cáo cũng không xuất trình thêm được tình tiết nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với hai bị cáo T và H.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Lê Hoàng L thì thấy: Bị cáo L luôn luôn thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt; bị cáo có vai trò thứ yếu, không đáng kể vì ma túy đã đưa vào đến ngõ nhà bị cáo T nhưng chỉ vì bị cáo T và bị cáo D phát hiện có công an theo dõi đã không giám nhận hàng, nên mới gọi L đến nhận hộ; Hơn nữa, bị cáo là con duy nhất và mẹ đẻ của bị cáo là Nghệ sĩ nhân dân Hoàng C được tặng thưởng nhiều Huân - Huy chương, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét. Vì vậy, đề nghị giảm cho bị cáo L để phù hợp với vai trò hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Hồng T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm là đúng thực tế xảy ra, nhưng bị cáo khai là mua ma túy về để sử dụng, chứ không phải vừa để sử dụng, vừa để bán, nên bị cáo chỉ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét lời khai của bị cáo T. Đồng thời luật sư thấy số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo trong két sắt nơi bị cáo ở là do bị cáo đã tự khai báo với cơ quan điều tra. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự là con duy nhất của gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s, t, khoản 1, Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, vì luật sư thấy mức hình phạt tù chung thân đối với bị cáo T là quá nặng.

Người bào chữa cho bị cáo Lại Đức H: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, khung, khoản điều luật truy tố bị cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, vì: Bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ bị cáo H bị bại liệt trong nhiều năm và mẹ bị cáo đã từng được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, nên mức án tù chung thân đối với bị cáo là quá nặng.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng L trình bày ý kiến: Vai trò, vị trí đồng phạm của bị cáo chỉ là thứ yếu trong vụ án, không hề biết nguồn gốc và trọng lượng ma túy, bị cáo chỉ tham gia với vai trò giúp sức đi nhận hàng khi ma túy đã được người khác đưa về đầu ngõ nhà T ở. Bị cáo L cũng không được hưởng lợi gì. Tôi đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nhưng tôi xin bổ sung thêm bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mẹ bị cáo là Nghệ sĩ nhân dân Hoàng C được tặng thưởng nhiều Huân - Huy chương, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bị cáo là lao động chính trong nhà, là con duy nhất của Nghệ sĩ nhân dân. Trước đây L cũng đã từng làm ở cơ quan nhà nước nhưng sau đó xin nghỉ việc. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét một cách có lý, có tình để áp dụng các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị

cáo L, vì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo quá nghiêm khắc, không phù hợp với vai trò, vị trí của bị cáo trong vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các Luật sư và của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm thì các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng, như: Cơ quan điều tra và các Điều tra viên của Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và các Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng như quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không có ai khiếu nại gì về thủ tục tố tụng; do đó, mọi hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và của những người tiến hành tố tụng đều được coi là hợp lệ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án và áp dụng pháp luật:

Mặc dù các bị cáo Đoàn Hồng T và Lê Hoàng L trong quá trình điều tra có lúc khai là có nói với luật sư của mình về việc bị ép cung. Tuy nhiên các luật sư của các bị cáo đều khẳng định không có việc các bị cáo nói với các luật sư về việc bị ép cung. Cho tới trước khi mở phiên tòa sơ thẩm các bị cáo cũng như các luật sư bào chữa cho các bị cáo cũng chưa bao giờ có ý kiến về việc các bị cáo bị ép cung. Do đó, việc các bị cáo có lúc khai trong quá trình điều tra bị ép cung là không đúng thực tế, nên không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra là khách quan, đúng với lời khai thực tế của các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lại Đức H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với vật chứng của vụ án thu giữ được.

Mặc dù, bị cáo Đoàn Hồng T khai bị cáo chỉ mua ma túy về để sử dụng, chứ không bán lại cho ai cả, nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tội danh cho bị cáo, theo bị cáo thì bị cáo chỉ phạm tội ‘Tàng trữ trái phép chất ma túy’ mà không phạm tội ‘Mua bán trái phép chất ma túy’ như Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy : Mặc dù bị cáo T nại ra như trên, nhưng xét thấy bị cáo T không có nghề nghiệp gì để nuôi sống bản thân mà sống lang thang, khi ở chỗ này, khi ở chỗ khác từ khi từ Điện Biên về Hà Nội ; bị cáo lại còn thuê nhà và trang trải mọi chi phí sinh hoạt cho cả T và D (bạn gái chung sống như vợ chồng và là bị cáo trong vụ án, nhưng không kháng cáo). T là người lo trả tiền nhà và mọi chi phí sinh hoạt cho cả T và D, trong khi đó lượng ma túy mà T mua về thì quá lớn không biết lúc nào mới dùng hết, trong khi đó thì ma túy trong nhà bị cáo vẫn còn nhiều; Hơn nữa, Hà Thị D khai T có hành vi bán ma túy cho người khác và chính bị cáo Lê Hoàng L đã

khai là L đã vài lần mua ma túy của T về để sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo L và Hà Thị D vẫn giữ nguyên lời khai về việc đã khai T có hành vi bán ma túy cho người khác trong đó có bán cho L. Điều đáng nói nữa là sau khi bị xử phạt 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng Hà Thị D không kháng cáo mà chấp nhận bản án của Tòa án cấp sơ thẩm thì cũng đã thể hiện việc D và T đã cùng nhau mua bán trái phép chất ma túy (Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay D vẫn khai nhận như vậy). Vì vậy, hoàn toàn có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định bị cáo Đoàn Hồng T đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc bị cáo T không thừa nhận tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” mà lại nhận tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chỉ là hòng trốn tránh trách nhiệm hình sự về tội danh nặng hơn mà thôi.

Xét, đây là vụ án có tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bởi vì: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra chẳng những đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội, mà còn là nguyên nhân để phát sinh ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều biết rõ việc làm của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và các bị cáo đều nhận thức được tác hại của ma túy là rất nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì lợi nhuận cao trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, để tham gia mua bán; do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất - mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Xét vai trò vị trí của các bị cáo trong vụ án thì HĐXX cấp phúc thẩm, thấy: Đoàn Hồng T có vai trò đầu vụ, vì: Bị cáo T là chủ mưu trong việc mua bán trái phép chất ma túy, trọng lượng ma túy mà bị cáo mua bán là nhiều nhất và T là người chỉ đạo Hà Thị D với Lê Hoàng L để các bị cáo này tham gia với vai trò đồng phạm với bị cáo T trong việc mua bán trái phép chất ma túy và nếu như vụ án này không bị phát hiện kịp thời thì hậu quả xảy ra cho xã hội là khôn lường, vì bị cáo T đã thiết lập đường dây khép kín đưa ma túy từ Điện Biên về Hà Nội tiêu thụ. Do đó, hình phạt đối với bị cáo T phải là cao nhất như đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật.

Tiếp sau Đoàn Hồng T là vai trò của Lại Đức H, vì H có nhân thân rất xấu, đã có 03 tiền án (trong đó có 02 tiền án đã được xóa án tích), còn 01 tiền án chưa được xóa, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tránh xa con đường phạm tội mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội và phạm tội lần này thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và chính bị cáo là người đã tìm mua ma túy cho Đoàn Hồng T và được T cho 10 triệu đồng.

Đối với vai trò, vị trí trong vụ án của bị cáo Lê Hoàng L, thì HĐXX cấp phúc thẩm thấy : Bị cáo L chỉ là người giúp sức cho Đoàn Hồng T ở giai đoạn cuối cùng, vì L chỉ là người giúp sức cho T đi nhận bao tải gạo bên trong có ma túy khi hàng đã được gửi về đến cửa ngõ nhà T thuê ở và T chỉ nhờ L nhận hàng sau khi T ra nhận hàng, rồi đến lượt D (bạn gái) ra nhận, nhưng vì phát hiện có

công an theo dõi thì lúc đó T mới gọi điện thoại nhờ L đến nhà T có việc. Khi L đến T đã nhờ L ra ngõ nhận bao gạo thì liền bị bắt giữ. Như vậy kể từ khi T đặt vấn đề nhờ người mua ma túy, rồi chuyển tiền mua ma túy lên Điện Biên và khi hàng từ Điện Biên về đến Hà Nội, và nếu như T và D không phát hiện có công an theo dõi thì T cũng không cần đến sự giúp sức của L: do đó, xét vai trò của Lê Hoàng L thấp hơn tất cả các bị cáo trong vụ án này và có căn cứ khẳng định vai trò của L là không đáng kể.

Mặc dù, bị cáo Lê Hoàng L biết trong bao gạo có ma túy, nhưng vì nể tình quen biết nên L vẫn nhận lời giúp T; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo L đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với bị cáo Đoàn Hồng T là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy, vai trò giúp sức của bị cáo L trong vụ án này là không đáng kể, vì sự việc xảy ra trong khoảng thời gian quá ngắn, L không có nhiều thời gian để kịp suy nghĩ, đắn đo, có giúp T hay không giúp T thì đã bị công an bắt giữ. Hơn nữa, bị cáo L không được hưởng lợi gì, sau khi vụ án bị phát hiện thì đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Về nhân thân, bị cáo L là người chưa có tiền án – tiền sự, bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng (mẹ bị cáo là Nghệ sỹ nhân dân Hoàng C được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân-Huy chương) nhưng tình tiết giảm nhẹ này của bị cáo lại chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo và cũng chưa xem xét để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo L về vai trò mờ nhạt, thứ yếu, không đáng kể quy định tại điểm I khoản 1 Điều 51 BLHS là “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” như đã phân tích ở trên. Vì vậy, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới đối với bị cáo L, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù cho phù hợp với vai trò, vị trí của bị cáo L gây ra, để thể hiện công bằng trong chính sách hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập luận, nhận định trong bản án về vai trò, vị trí của bị cáo Hà Thị D cao hơn nhiều so với bị cáo L, nhưng lại xử phạt bị cáo L bằng mức hình phạt của bị cáo D là không công bằng.

Hội đồng xét xử trên cơ sở xem xét lời bào chữa của các Luật sư, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thấy là phù hợp nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hoàng L là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Hồng T, Lại Đức H.

[3]. Về án phí: Các bị cáo Đoàn Hồng T, Lại Đức H kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định. Bị cáo Lê Hoàng L kháng cáo được chấp nhận, không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo Đoàn Hồng T và Lại Đức H, để giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 62 ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt tù của các bị cáo Đoàn Hồng T và Lại Đức H.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 BLHS, xử phạt bị cáo Đoàn Hồng T tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (09-9-2020).

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 39 BLHS, xử phạt bị cáo Lại Đức H tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (15/9/2020).

2. Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Lê Hoàng L. Sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo như sau:

Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; các điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 BLHS đối với bị cáo L; Xử phạt bị cáo Lê Hoàng L 17 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo L tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (09-9-2020).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Các bị cáo Đoàn Hồng T và Lại Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Hoàng L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- TTG Công an TP. Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Xuân Hùng